

Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1. 都 这件事 父母 知道 了
Dōu zhè jiàn shì fùmǔ zhīdao le

2. 喝奶茶 我和弟弟 喜欢 都不
hē nǎichá Wǒ hé dìdì xǐhuan dōu bù

3. 了 都 我的 来 同学
Le dōu wǒ de lái tóngxué